

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Biên và ông Nguyễn Ngọc Khuê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Sỹ Th – chức vụ: Phó giám đốc N, chi nhánh huyện H, B.

Địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị V, sinh năm 1969 (năm sinh khác 1972).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Năm 1996, trên cơ sở hồ sơ đề nghị vay vốn, nhu cầu thực tế của hộ gia đình ông Lê Văn H. Ngày 12/3/1996 Ngân hàng N (A) thông qua Ngân hàng N, B và ông Lê Văn H đã ký thỏa thuận vay vốn theo Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn

số NA0499353, theo đó A chi nhánh huyện H, B cho ông Lê Văn H vay số tiền là 8.000.000 đồng, thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày 15/4/1996 đến ngày 20/01/1997, mục đích vay vốn để sản xuất kinh doanh, hình thức vay tín chấp, tại sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn trên, bà Trần Thị V là người thừa kế quyền và nghĩa vụ.

Hết thời hạn 9 tháng, do hoàn cảnh khó khăn nên ông H có đơn xin gia hạn, A chi nhánh huyện H, Bắc T đã tạo điều kiện và gia hạn nợ nhiều lần. Ngày 12/3/1998, Ngân hàng đã đồng ý cho gia hạn nợ, thời hạn trả nợ là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/4/2001. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ ông H vẫn không trả cho Ngân hàng như cam kết, đã quá hạn từ ngày 05/4/2001.

A Chi nhánh huyện H, Bắc T đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Lê Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị V thực hiện nghĩa vụ trả nợ trên theo Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353. Tuy nhiên, tính đến nay ông Lê Văn H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, mới chỉ trả được một phần lãi trong hạn là 5.020.000 đồng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Nay A đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 10/01/2023 là 49.821.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn còn lại phải trả là 2.066.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 39.755.000 đồng) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 11/01/2023 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất đã ký kết tại Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 và sổ lưu tờ rời.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, ông Lê Văn H đến tòa án để viết bản khai nhưng ông H vẫn vắng mặt mà không có lý do, do đó không có lời khai của ông Lê Văn H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023 bà Trần Thị V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai: Ngày 12/3/1996 chồng bà là ông Lê Văn H có vay của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), hợp đồng vay theo hình thức tín chấp, mục đích vay là để mua thuyền, thời hạn và lãi suất vay như thế nào bà không nhớ rõ mà được thể hiện trong hợp đồng vay.

Đến nay gia đình bà đã trả được bao nhiêu cho Ngân hàng bà cũng không nhớ rõ. Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Lê Văn H và bà phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/01/2023 là 49.821.000 đồng trong đó nợ gốc là 8.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.066.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 39.755.000 đồng, bà V chỉ đồng ý

trả nợ gốc và trả làm bốn lần từ ngày 25/6/2023 cứ hai tháng trả một lần do hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 131, 304, 467, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Quyết định số 381/QĐ-NH1 ngày 28/12/1995 của Ngân hàng nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất tiền gửi và tiền vay đối với tổ chức kinh tế và dân cư; các Điều 3, 6, điểm b, khoản 1, Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị V phải liên đới trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023) là 51.121.000 đồng phát sinh từ sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996, trong đó số tiền nợ gốc 8.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn còn lại phải trả là 2.066.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 05/4/2001 đến ngày xét xử sơ thẩm là 41.055.000 đồng. Ông H và bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996 (được điều chỉnh lại ngày 12/3/1998) đã được ký kết giữa các bên cho đến khi thi hành án xong. Ông Lê Văn H và bà Trần Thị V phải liên đới chịu 2.556.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng nông N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.245.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn Hùng và bà Trần Thị V đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải nhưng đã không có mặt mà không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Ông H, bà V cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H và bà V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996, giữa N, Chi nhánh huyện H, B với ông Lê Văn H nhằm mục đích vay vốn để sản xuất, không nhằm mục đích kinh doanh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thụ lý, giải quyết quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3, Điều 26 và điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định và đúng thẩm quyền.

[3]. Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996, giữa Ngân hàng N, Chi nhánh huyện H, B với ông Lê Văn H là hợp đồng tín dụng được ký kết đúng thẩm quyền, thể hiện ý chí tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 131, 467, 468 của Bộ luật dân sự năm 1995, nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị V và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp bao gồm: Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996, sổ lưu từ rời các tài liệu liên quan đến việc trả nợ và gia hạn trả nợ...đủ cơ sở khẳng định: Ngày 12/03/1996 giữa Ngân hàng N, Chi nhánh huyện H, B với ông Lê Văn H có thỏa thuận ký kết và cấp sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 theo đó, ông Lê Văn H vay của Ngân hàng N, Chi nhánh huyện H, B số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày 15/4/1996 đến ngày 20/01/1997, mục đích vay vốn để sản xuất, hình thức vay tín chấp, lãi suất trong hạn là 1,75%/tháng, bà Trần Thị V là người ký kết với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ. Ông Lê Văn H đã nhận số tiền giải ngân trên vào ngày 15/4/1996. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 04/4/2001. Như vậy, thời hạn trong hạn của hợp đồng được xác định từ ngày 15/4/1996 đến ngày 04/4/2001. Quá thời hạn trên, ông Lê Văn H vẫn chưa trả nợ gốc và trả được số tiền lãi trong hạn là 5.020.000 đồng. Ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996 (hợp đồng tín dụng). Nay N yêu cầu ông H và bà V phải trả cả gốc và lãi là phù hợp.

Tại phiên tòa, Đại diện Ngân hàng N đề nghị Tòa án buộc ông H và bà V phải liên đới trả số tiền là 51.121.000 đồng, bao gồm số tiền gốc 8.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn còn lại phải trả là 2.066.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 05/4/2001 đến ngày xét xử sơ thẩm là 41.055.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong sổ vay vốn (hợp đồng tín dụng) đã được ký kết giữa các bên. Đã hết thời hạn trả nợ

nhưng ông H, bà V vẫn chưa trả cho Ngân hàng như đã cam kết nên ông H, bà V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng như đã cam kết trong sổ vay vốn. ông H, bà V chưa trả số tiền nợ gốc vay nên phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Về số tiền lãi trong hạn: Ngân hàng N yêu cầu ông H, bà V phải trả lãi trong hạn 1,75%/tháng kể từ ngày 15/4/1996 đến ngày 11/3/1998 và mức lãi suất 1,25%/tháng kể từ ngày 12/3/1998 đến ngày 04/4/2001 là hoàn toàn phù hợp bởi sau nhiều lần gia hạn trả nợ, đến ngày 12/3/1998 các bên không những thỏa thuận lại thời hạn trả nợ mà còn thỏa thuận lại cả lãi suất được điều chỉnh về mức 1,25%/tháng. Việc áp dụng lãi suất trong hạn ban đầu trước khi thỏa thuận gia hạn và điều chỉnh lại lãi suất cũng hoàn toàn phù hợp với Điều 1 của Quyết định số 381/QĐ-NH1 ngày 28/12/1995 của Ngân hàng nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất tiền gửi và tiền vay đối với tổ chức kinh tế và dân cư. Tổng số tiền lãi trong hạn ông H, bà V phải trả cho Ngân hàng là 7.086.000 đồng, ông H, bà V đã trả được 5.020.000 đồng, số còn lại là 2.066.000 đồng. Đối với lãi quá hạn, do các bên đã thỏa thuận lại lãi suất trong hạn về mức 1,25%/ tháng kể từ ngày 12/3/1998 đến ngày 04/4/2001, do vậy lãi suất quá hạn được tính kể từ ngày 05/4/2001 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,875%/ tháng với tổng số tiền là 41.055.000 đồng là hoàn toàn phù hợp. Ông H, bà V phải liên đới trả số tiền lãi trong hạn còn lại và số tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng. Ngoài ra, ông H và bà V còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996 (đã được điều chỉnh lại ngày 12/3/1998) giữa các bên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng.

[5]. Về án phí: ông H và bà V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 131, 304, 467, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Quyết định số 381/QĐ-NH1 ngày 28/12/1995 của Ngân hàng nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất tiền gửi và tiền vay đối với tổ chức kinh tế và dân cư; các Điều 3, 6, điểm b, khoản 1, Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị V phải liên đới trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023) là 51.121.000đ (*năm mươi một triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng*) phát sinh từ sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996 (đã được điều chỉnh lại thời hạn và lãi suất ngày 12/3/1998), trong đó số tiền nợ gốc 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), nợ lãi trong hạn còn lại phải trả là 2.066.000đ (*hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*), nợ lãi quá hạn tính từ ngày 05/4/2001 đến ngày xét xử sơ thẩm là 41.055.000đ (*bốn mươi một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H và bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số NA0499353 ngày 12/3/1996 (được điều chỉnh lại thời hạn và lãi suất ngày 12/3/1998) đã được ký kết giữa các bên.

2. Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Trần Thị V phải liên đới chịu 2.556.000đ (*Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.245.000 đ (*Một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0004522 ngày 13/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

